

Số: 629/2023/QĐST-HNGĐ

Quận Hai Bà Trưng ngày 19 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 389/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc: **Tranh chấp ly hôn** giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Vũ Kiều L** - sinh năm 1982; HKTT: Số 29 phố B phường H quận H thành phố H nơi ở Phòng 1202, chung cư S số 3 phố L, phường B quận H thành phố H

- **H đơn:** Ông **Trần Hải D** - sinh năm 1971; HKTT: P.107, nhà M1, phường L, quận D thành phố H nơi ở P.1202, chung cư S số 3 phố L, phường B quận H thành phố H

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận

đó;

## QUYẾT ĐỊNH

**1** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Vũ Kiều L và ông Trần Hải D

Giấy chứng nhận kết hôn số **13x** ngày 31/10/2019 do UBND phường L, quận Đ thành phố H cấp cho bà Lê Vũ Kiều L và ông Trần Hải D không còn giá trị pháp lý.

**2** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận bà L và ông D có một con chung là cháu Trần Vũ Thành A – sinh ngày 25/3/2021 (Nam). Sau khi ly hôn, bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A cho bà L số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu A thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

***Ông D có quyền thăm nom, gặp gỡ, đưa đón và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.***

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí về cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0013650 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H thành phố H. Nay chuyển thành án phí.

**3** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm/.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
  - VKSND quận H;
  - Chi cục THADS quận H;
  - UBND phường L, quận Đ TP H
- (ĐKKH số 136 ngày 31/10/2019);
- Các đương sự;
  - Lưu HS, VP./.

***Đặng Hoàng P***

